CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Thủy điện Quế Phong

Ngày 31/12/2025	34,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.4%	**-**	**27.1%**

DT thuần
Q4/25
37.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.60| 7.5%
YoY: ▲ 6.30| 20.2%

LN thuần
Q4/25
26.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.20| 0.8%
YoY: ▲ 2.90| 12.5%

LN sau thuế
Q4/25
21.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.30| 1.4%
YoY: ▲ 0.10| 0.4%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
77.9%
YoY: +/-▲ 0.8%

ROE
2025
20.3%
YoY: +/-▲ 4.8%

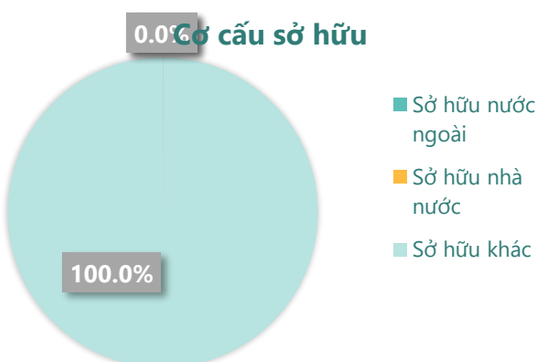
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	20,468 - 45,097
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	637
Số lượng CPLH (CP)	18,583,100
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,235
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.11
EPS	4,170
P/E	8.2

DT thuần
2025
128
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.0| 15.6%

LN thuần
2025
97.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.2| 17.0%

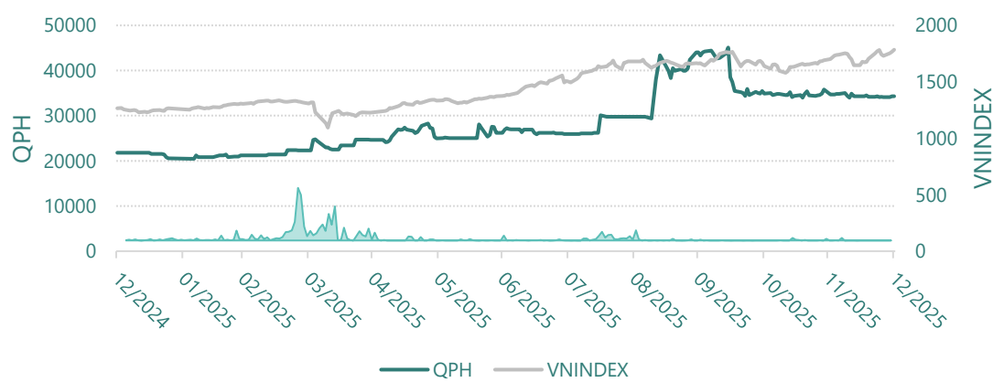
LN sau thuế
2025
77.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.60| 9.3%

Cơ cấu sở hữu

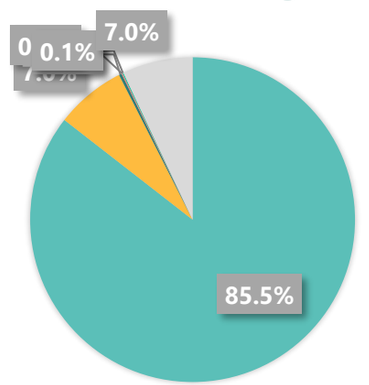


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

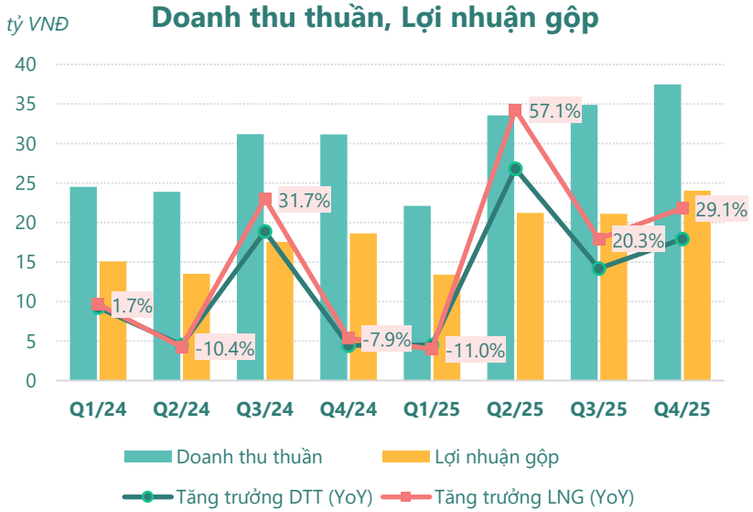


- CTCP Điện lực Trung Sơn
- Lê Thái Hưng (Tổng giám đốc)
- Lê Bật Hùng (Thành viên HĐQT)
- Cao Tự Thu Trà
- Nguyễn Quang Thế
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

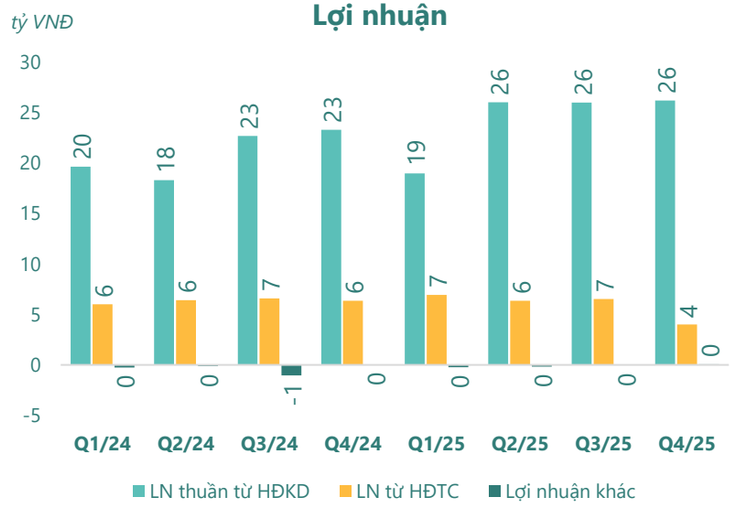
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



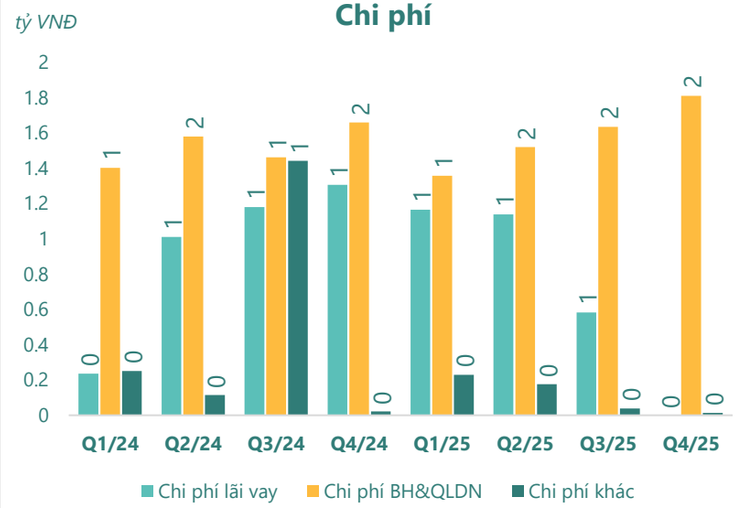
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



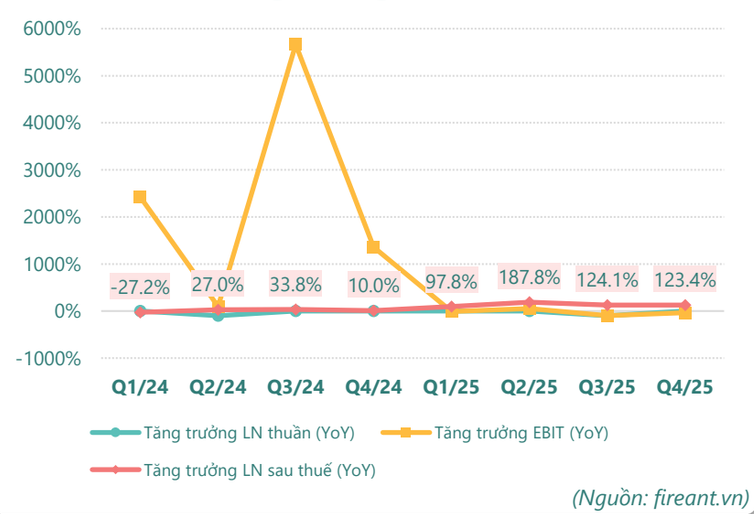
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



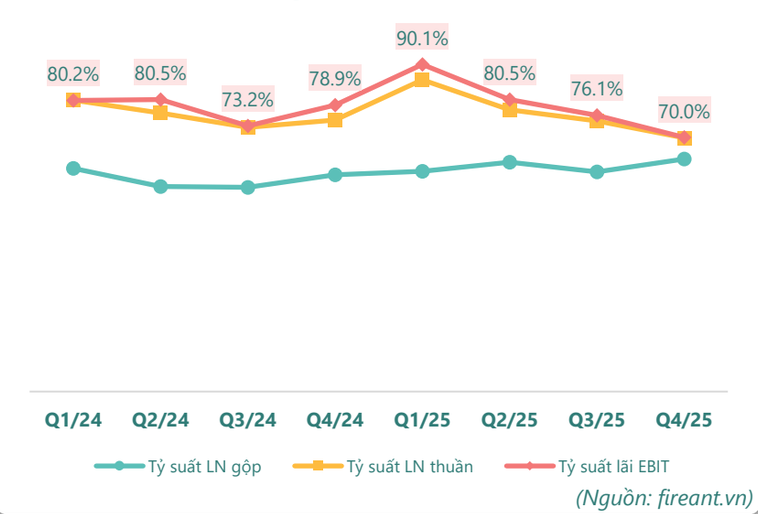
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



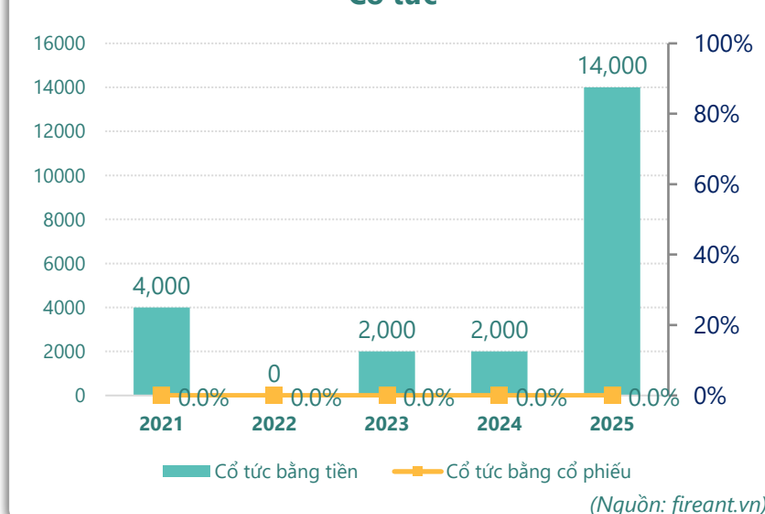
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

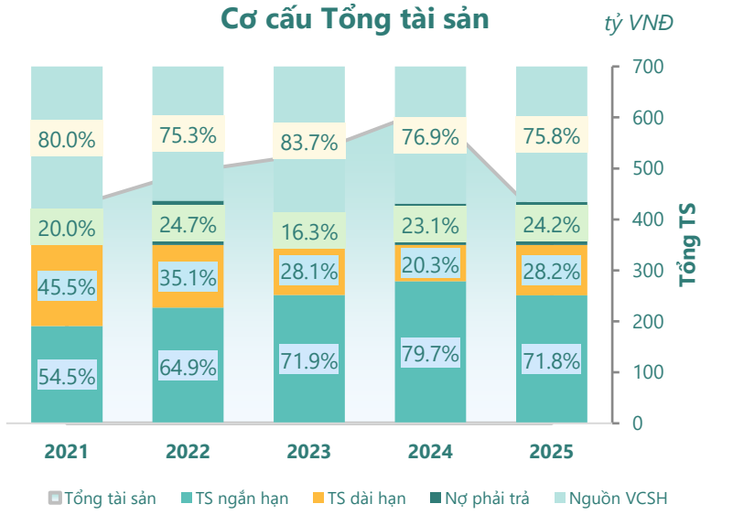
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

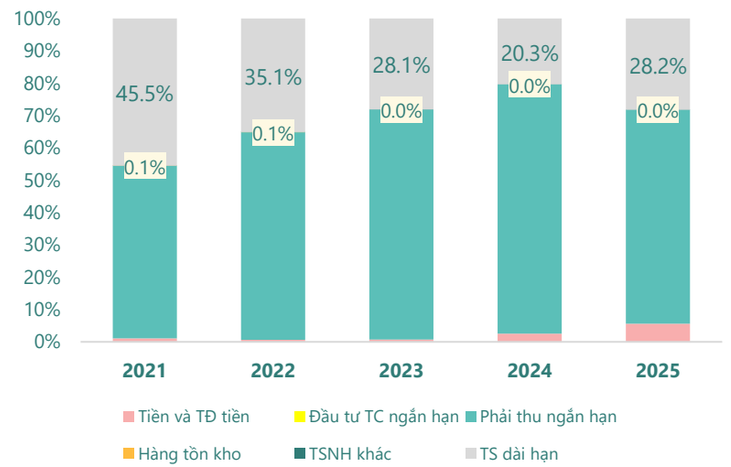
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



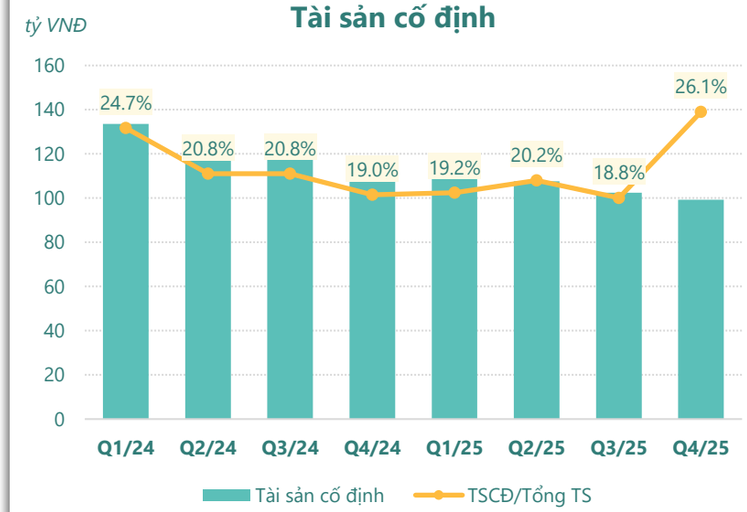
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



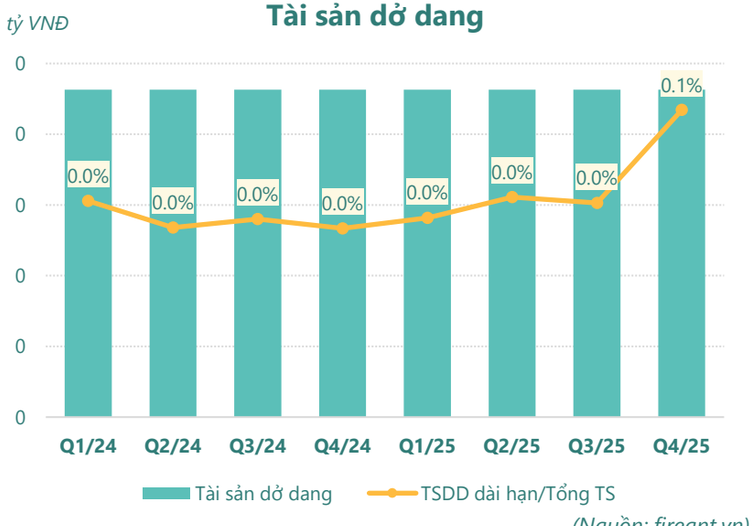
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



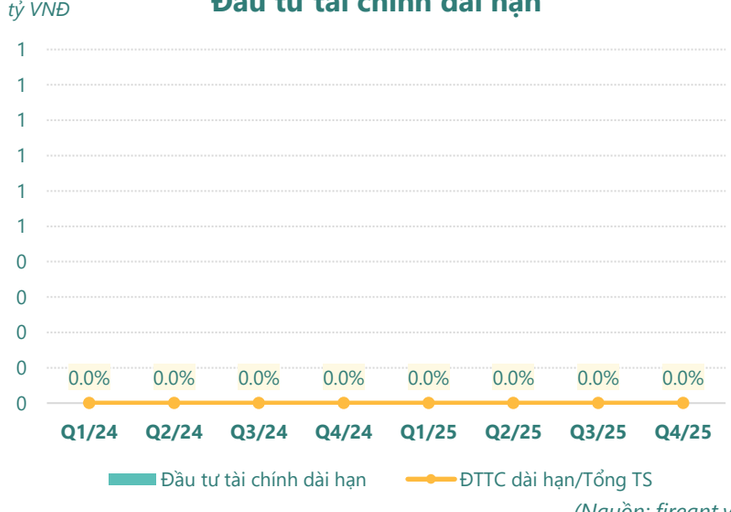
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



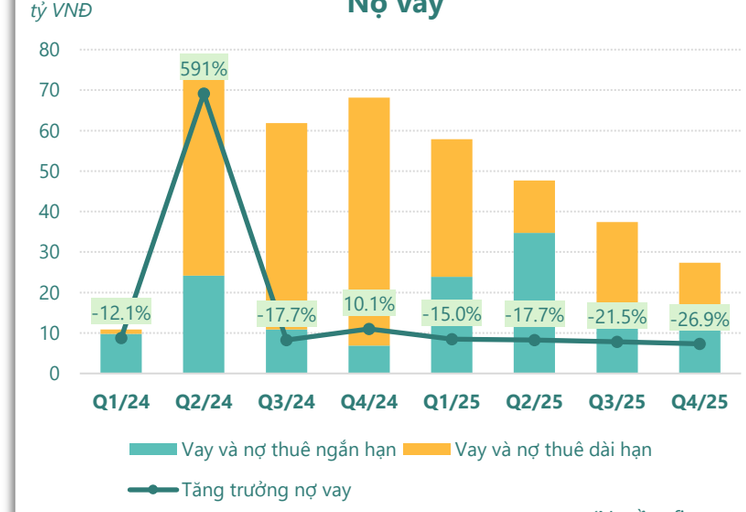
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

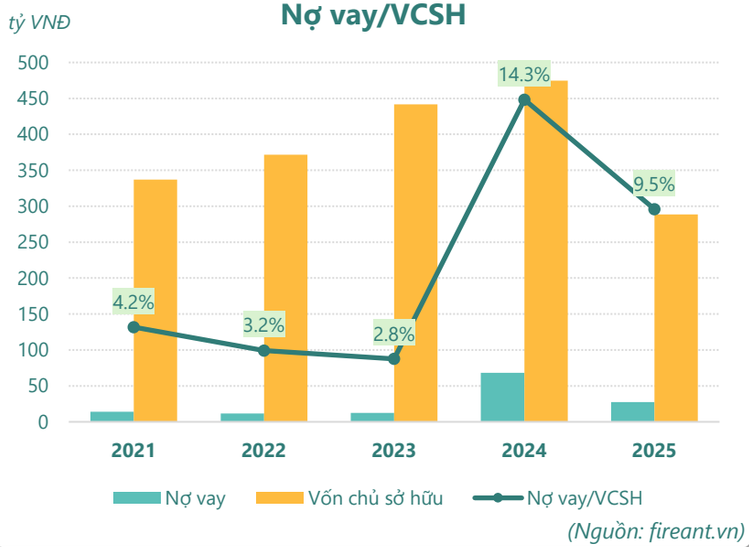
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

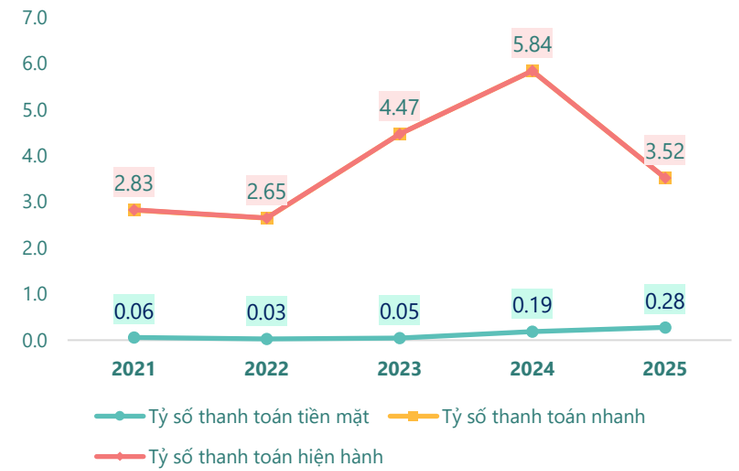
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



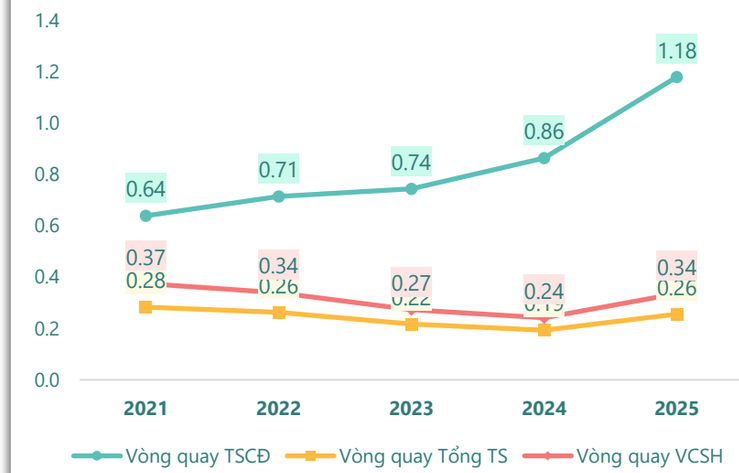
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



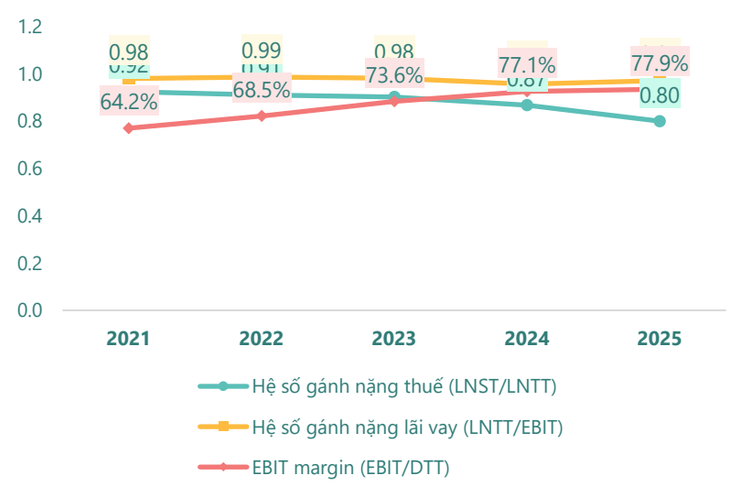
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



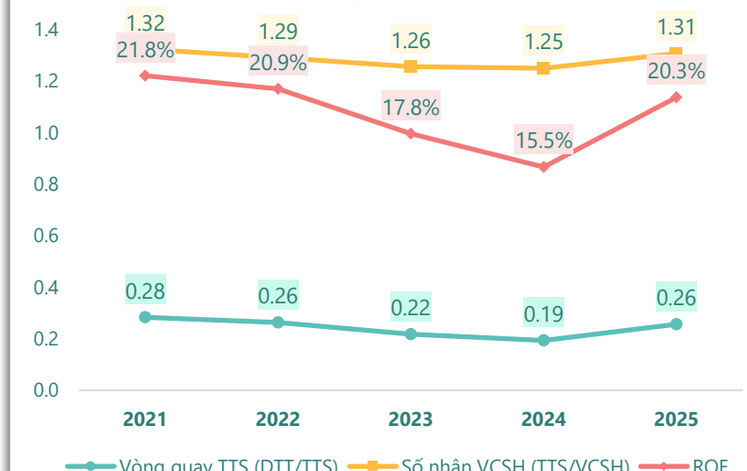
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



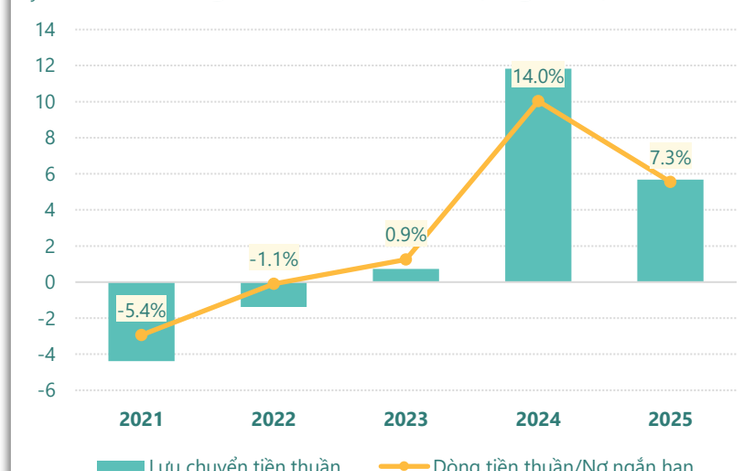
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**37.5**	**31.2**	**20.2%**	**128**	**111**	**15.6%**
Giá vốn hàng bán	13.5	12.5	7.8%	48.3	46.9	3.0%
Lợi nhuận gộp	24.0	18.6	29.2%	79.8	63.9	24.9%
Doanh thu HĐTC	4.74	7.67	-38.2%	27.8	29.1	-4.5%
Chi phí TC	0.74	1.31	-43.6%	3.99	3.74	6.9%
Chi phí lãi vay	0	1.31	-100%	2.89	3.74	-22.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.81**	**1.66**	**9.1%**	**6.33**	**6.13**	**3.1%**
LN thuần từ HĐKD	26.2	23.3	12.5%	97.3	83.1	17.0%
Lợi nhuận khác	**0.05**	**-0.02**	**329%**	**-0.40**	**-1.45**	**72.4%**
LN trước thuế	26.3	23.3	12.7%	96.9	81.7	18.6%
Lợi nhuận sau thuế	**21.1**	**21.0**	**0.4%**	**77.5**	**70.9**	**9.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**21.1**	**21.0**	**0.4%**	**77.5**	**70.9**	**9.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	20.1	22.4	-22.0	18.2	29.3	22.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	31.1	-12.5	20.0	77.0	-16.7	176
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-50.3	2.44	-10.2	-82.0	-12.8	-193
Tiền đầu kỳ	2.69	3.65	15.8	3.57	16.7	16.6
Lưu chuyển tiền thuần	**0.97**	**12.3**	**-12.2**	**13.2**	**-0.18**	**4.92**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.65	16.0	3.57	16.7	16.6	21.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**381**	**617**	**-38.3%**
Tài sản ngắn hạn	273	492	-44.4%
Tiền và tương đương tiền	21.5	15.8	36.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	252	476	-47.1%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.00	0.01	-97.6%
Tài sản dài hạn	**107**	**126**	**-14.5%**
Phải thu dài hạn	0.08	0.08	0.0%
Tài sản cố định	99.2	118	-15.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.23	0.23	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**7.93**	**7.49**	**5.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	92.0	143	-35.5%
Nợ ngắn hạn	**77.6**	**84.2**	**-7.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	12.9	9.66	34.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.0	36.2	-66.8%
Nợ dài hạn	14.4	58.5	-75.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	14.4	58.5	-75.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**289**	**475**	**-39.2%**
Vốn chủ sở hữu	**289**	**475**	**-39.2%**
Vốn điều lệ	186	186	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)